

Số: 05/2022/QĐST-HNGĐ

N Đ, ngày 30 tháng 3 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N Đ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ vào Điều 212, 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 10/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2022 về việc: “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Người yêu cầu: Chị Trần Thị L, sinh năm: 1992;

- Người yêu cầu: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm: 1992;

Đều trú tại: Thôn A, xã H X, huyện N Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cháu Nguyễn Trần Bảo Ng, sinh ngày 20/10/2019 theo đơn yêu cầu trợ giúp pháp lý của chị Trần Thị L là ông Đặng Bá Q - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 08 tháng 3 năm 2022 chị Trần Thị L và anh Nguyễn Văn C cùng nộp đơn yêu cầu “công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con”. Quá trình vận động hòa giải, chị L và anh C thống nhất thuận tình ly hôn và không yêu cầu đoàn tụ vợ chồng; Tòa án nhân dân huyện N Đ đã lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành vào ngày 22/3/2022. Chị L, anh C cùng trú tại thôn A, xã H X, huyện N Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế và đã nộp tiền tạm ứng lệ phí giải quyết việc dân sự. Do đó, đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự của chị L, anh

C được Tòa án nhân dân huyện N Đ thụ lý và giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung đơn yêu cầu:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị L và anh Nguyễn Văn C có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H H cũ, nay là xã H X, huyện N Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 22 tháng 02 năm 2018. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong quá trình chung sống, chị L và anh C thừa nhận hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn, hôn nhân không hạnh phúc. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình nhiều lần hòa giải, khuyên bảo nhưng giữa hai vợ chồng cũng không tự hàn gắn để chung sống với nhau. Từ những nguyên nhân trên, vợ chồng quyết định mỗi người sống mỗi nơi, không ai quan tâm gì đến nhau. Xét thấy, chị L và anh C tự nguyện ly hôn, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của chị Trần Thị L và anh Nguyễn Văn C.

- Về con chung: Chị Trần Thị L và anh Nguyễn Văn C có 01 người con chung là Nguyễn Trần Bảo Ng, sinh ngày 20 tháng 10 năm 2019. Chị L, anh C đã thỏa thuận giao con chung cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi) và anh Nguyễn Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con. Do đó cần áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình để chấp nhận thỏa thuận của các bên về nuôi con. Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Văn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị L và anh Nguyễn Văn C khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị L, sinh năm: 1992 và anh Nguyễn Văn C, sinh năm: 1992.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trần Bảo Ng, sinh ngày 20 tháng 10 năm 2019 cho chị Trần Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi); anh Nguyễn Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn, anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo

quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị L và anh C khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết việc dân sự là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), chị Trần Thị L và anh Nguyễn Văn C tự nguyện chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mà chị L và anh C đã nộp theo các biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0002578 ngày 08 tháng 3 năm 2022 và số AA/2021/0002579 ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế. Chị L, anh C đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện N Đ;
- Chi cục THADS huyện N Đ;
- UBND xã H X, huyện N Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế;
- đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký và đóng dấu)

Trần Ngọc Tú